

LÊ VĂN TUYÊ\*  
FILIP KRAUS\*\*

## LÝ GIẢI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA HỘI THÁNH TIN LÀNH TƯ GIA Ở VIỆT NAM THỜI KỲ SAU ĐỔI MỚI

**Tóm tắt:** Một trong những điều gây chú ý nhất trong bức tranh tôn giáo toàn cảnh ở Việt Nam sau Đổi mới là sự phát triển mạnh mẽ của đạo Tin Lành. Số lượng tín đồ đạo Tin Lành chưa được thống nhất giữa các nhà quản lý tôn giáo với bản thân tôn giáo này và các nhà nghiên cứu. Rất hiếm những cuộc khảo sát toàn quốc và nguyên nhân dẫn đến sự phát triển bùng nổ của Hội thánh Tin Lành tư gia thường không nắm bắt được. Nghiên cứu này, bằng việc phân tích những nghiên cứu đi trước và thực hiện phỏng vấn sâu, cố gắng trả lời câu hỏi lý do nào dẫn đến sự phát triển bùng nổ Hội thánh Tin Lành tư gia trong điều kiện ở Việt Nam. Chúng tôi cho rằng sự phát triển của Hội thánh Tin Lành tư gia ở Việt Nam có thể giải thích được một phần từ bối cảnh lịch sử xã hội, cũng như cơ cấu tổ chức và chiến thuật truyền giáo của nó.

**Từ khóa:** Tin Lành tư gia; Đổi mới; Việt Nam.

---

\* Nghiên cứu sinh Đại học Palacký, Cộng hòa Séc; Nghiên cứu viên Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

\*\* Khoa Nghiên cứu châu Á, Đại học Palacký, Cộng hòa Séc.

Nghiên cứu này nằm trong dự án “Những biến chuyển của Văn hóa và Xã hội châu Á theo thời gian và không gian” (*Metamorphoses of Culture and Society in Asia in time and space*) được tài trợ bởi quỹ nghiên cứu dành cho sinh viên Khoa Khoa học xã hội, Đại học Palacký. Mã số: IGA\_FF\_2021\_028.

Để hoàn thành nghiên cứu này, chúng tôi xin được cảm ơn GS.TS Đỗ Quang Hưng, Đại học Quốc gia Hà Nội đã có những góp ý định hướng quý báu. Chúng tôi cũng xin cảm ơn đến Mục sư Đinh Thiên Tứ, Mục sư Trần Đình Ái, và Mục sư Võ Văn Lạc, ba trong bốn người khởi sự phong trào Hội thánh Tin Lành tư gia, cùng các mục sư khác của các Hội thánh Tin Lành tư gia ở Việt Nam đã có những chia sẻ về quá trình hình thành và phát triển của hình thức tôn giáo này ở Việt Nam.

Ngày nhận bài: 08/02/2023; Ngày biên tập: 21/03/2023; Duyệt đăng: 29/06/2023.

### **Giới thiệu**

Câu chuyện phổ biến về đời sống tôn giáo Việt Nam đương đại là sự trỗi dậy của các hình thức tôn giáo đã có và sự xuất hiện của các hình tôn giáo mới. Trong đó không thể không đề cập đến sự tăng trưởng mạnh mẽ của đạo Tin Lành. Cho đến năm 1975, sau một thời gian đặt chân đến Việt Nam, đạo Tin Lành có khoảng 200.000 tín đồ [Ban Tôn giáo Chính phủ 2015: 125] nhưng số tín đồ đã tăng lên 1,4 triệu người vào năm 2014, ít nhất theo đánh giá của Phan (2014).

Đặc biệt, một trong những hiện tượng đáng chú ý trong sự phát triển của đạo Tin Lành những thập niên gần đây là sự xuất hiện phong trào Hội thánh Tin Lành tư gia (House Churches). Theo đó, vào cuối những năm 1980, một số mục sư trẻ của Hội thánh Tin Lành Việt Nam miền Nam (HTTLVNMN) (đặc biệt là Mục sư Đinh Thiên Tứ, Trần Đình Ái, Võ Văn Lạc, Trần Mai) do bất đồng về mặt tổ chức và có khuynh hướng ủng hộ thuyết Ngũ tuần và phong cách thờ phượng tập trung vào nói tiếng lạ, chữa bệnh, đuổi quỷ, nên bị trục xuất khỏi HTTLVNMN. Sau khi bị trục xuất, những mục sư này khởi sự phong trào Hội thánh Tin Lành tư gia và có sự phát triển bùng nổ vào những năm 1990, chững lại sau những năm 2000. Theo hồi kí của giáo sĩ Reimer [2011: 71], từ bốn nhóm tư gia được khởi sự bởi bốn mục sư nói trên đã tăng lên con số 70 và đến năm 2009, có ít nhất 250.000 tín hữu sinh hoạt tại 2.500 điểm nhóm thuộc các Hội thánh Tin Lành tư gia. Sự xuất hiện và phát triển bùng nổ của Hội thánh Tin Lành tư gia cho thấy những điểm mới trong không gian tôn giáo Việt Nam đương đại. Sự phát triển này đến từ nhiều nguyên nhân khác nhau, tuy nhiên dường như nó vẫn còn vắng bóng trong các nghiên cứu hiện có.

Hội Truyền giáo Phúc âm Liên hiệp (C&MA)<sup>1</sup> ở Việt Nam đã thu hút được nhiều quan tâm nghiên cứu của các học giả trong nước và quốc tế. Mặc dù các nghiên cứu đa dạng nhưng thường tập trung vào hai chủ đề chính là lịch sử phát triển của tôn giáo này ở Việt Nam và sự tác động của nó tới đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội.

Ở chủ đề thứ nhất, các học giả cả bên trong và bên ngoài đạo Tin Lành đã khái quát và phân tích quá trình lịch sử phát triển của tôn giáo này từ khi du nhập vào Việt Nam cho đến nay. Trước hết đáng chú ý

là các hồi ký, công trình khảo cứu của chính những giáo sĩ Tin Lành nước ngoài [E. F. Irwin, 1937; G. H. Smith, 1942, 1943, 1945, 1965]. Gần đây hơn, Reimer (2011) đã tái hiện sự tăng trưởng của đạo Tin Lành Việt Nam trong một thế kỉ đầy nghịch cảnh, trong đó có đề cập đến sự xuất hiện của Hội thánh Tin Lành tư gia tại Việt Nam từ những năm 1980 [Reimer, 2011].

Ngoài những hồi kí của các giáo sĩ này, các giáo sĩ Việt Nam cũng đã cố gắng ghi chép, hệ thống hóa lại các sự kiện, giai đoạn lịch sử đạo Tin Lành ở Việt Nam [Lê Văn Thái, 1971; Lê Hoàng Phu, 1972]. Nhìn chung, các công trình này đã khái quát được quá trình du nhập và phát triển của đạo Tin Lành từ góc nhìn của người trong cuộc. Tuy nhiên, do hạn chế của khung thời gian, nên phần lớn các công trình này chỉ phản ánh được giai đoạn phát triển của đạo Tin Lành trước năm 1975.

Bên cạnh đó, lịch sử du nhập và phát triển của tôn giáo này, còn thu hút được quan tâm nghiên cứu của các nhà nghiên cứu trong nước [Nguyễn Thanh Xuân, 2006; Nguyễn Khắc Đức, 2010; Đoàn Triệu Long, 2012; Hoàng Minh Đô, 2013; Nguyễn Xuân Hùng, 2014, 2017a; Phan, 2014; Nguyễn Hồng Dương, 2014]. Liên quan đến sự phát triển của tôn giáo này ở Việt Nam còn có các công trình tập trung vào vấn đề thần học [Đỗ Quang Hưng, 2011; Lê Văn Tuyên, 2017], vấn đề tổ chức [Nguyễn Xuân Hùng, 2015a, 2015b, 2017b; Nguyễn Quang Hưng, 2017], về phương thức truyền đạo [Ngô Văn Minh, 2011; Lê Đình Lợi, 2012; Mai Minh Nhật, 2015; Lê Hùng Yên, 2018]. Nhìn chung các tác giả này đã đề cập đến quá trình du nhập và phát triển đạo Tin Lành, nhưng chủ yếu vẫn tập trung vào Hội thánh Tin Lành C&MA và do hạn chế thời gian nên phần lớn các công trình chưa tập trung vào làm rõ sự phát triển của Hội thánh Tin Lành tư gia xuất hiện ở Việt Nam sau thập niên 1980.

Mặc dù vậy, đã có một số rất ít các nhà nghiên cứu đã bước đầu nghiên cứu về sự xuất hiện của Hội thánh Tin Lành tư gia bắt nguồn từ sự xung đột với HTTLVNMN và sự phát triển của nó được xem chủ yếu đến từ sự viện trợ của các tổ chức nước ngoài [Nguyễn Xuân Hùng, 2011; Reimer, 2011] hay đến từ quyền năng của Chúa Thánh

linh [Reimer, 2011]. Những nghiên cứu này chưa đi sâu lý giải sự phát triển Hội thánh Tin Lành tư gia từ cơ cấu tổ chức và chiến thuật của nó.

Chính vì vậy, trong bài viết này chúng tôi cố gắng tìm câu trả lời cho câu hỏi: Điều gì giải thích cho sự phát triển bùng nổ của Hội thánh Tin Lành tư gia ở Việt Nam sau Đổi mới 1986? Chúng tôi cho rằng, sự lớn mạnh của Hội thánh Tin Lành tư gia ở Việt Nam có thể được giải thích một phần bởi bối cảnh xã hội sau Đổi mới có những khoảng trống tâm linh, cũng như cơ cấu tổ chức nhóm nhỏ và chiến thuật của nó. Để nắm bắt được cơ chế phát triển bùng nổ của Hội thánh Tin Lành tư gia cần phải đi theo hai quá trình phân tích phụ thuộc lẫn nhau. *Thứ nhất*, cần phải hiểu lịch sử quá trình tăng trưởng của đạo Tin Lành. *Thứ hai*, cần phải phân tích cách thức tổ chức cũng như chiến thuật thu hút tín đồ mới của Hội thánh Tin Lành tư gia.

Nghiên cứu này, bên cạnh việc kế thừa các nghiên cứu đi trước và tư liệu quan sát điền dã trong những năm gần đây, còn sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu-hỏi cố và phỏng vấn chuyên gia. Chúng tôi đã thực hiện 25 cuộc phỏng vấn sâu với các mục sư, tín hữu Tin Lành và chuyên gia nghiên cứu về tôn giáo được thực hiện bằng cả hai hình thức trực tuyến (online) (qua các nền tảng Zoom, Zalo, và Messenger của Facebook) và trực tiếp từ tháng 8/2021 đến tháng 9/2022. Các cuộc phỏng vấn kéo dài từ 45 phút đến 3 tiếng.

Về khái niệm, Hội thánh Tin Lành tư gia được hiểu là Hội thánh sinh hoạt thờ phượng tại nhà riêng. Đây là định nghĩa trung tính, mô tả địa điểm sinh hoạt tôn giáo, không phân biệt giáo phái, được công nhận hay chưa được công nhận, ở bất kỳ quốc gia nào. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh của Việt Nam, Hội thánh Tin Lành tư gia được hiểu là những Hội thánh không thuộc về Hội thánh Tin Lành đến Việt Nam trước năm 1975 và vẫn giữ được cơ sở thờ tự cho đến sau này, bao gồm Hội thánh Tin Lành Việt Nam (cả miền Bắc và miền Nam), Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam, Giáo hội Cơ đốc Phục lâm Việt Nam, Hội thánh Báp-tít (Ân điển Nam phương) [Lê Hoàng Anh Vũ, 2016: 7]. Trong những năm gần đây, Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc, miền Nam) cũng sử dụng nhà riêng làm nơi thờ phượng ở một số

vùng núi do thiếu cơ sở vật chất xây dựng nhà thờ, nhưng không được xem là Hội thánh Tin Lành tư gia.

Về cấu trúc bài viết, ngoài phần mở đầu và kết luận, bài viết gồm hai nội dung chính: *thứ nhất*, nhìn lại lịch sử hình thành Hội thánh Tin Lành tư gia ở Việt Nam; *thứ hai*, là lý giải nguyên nhân dẫn đến sự phát triển bùng nổ của loại hình Hội thánh này sau những năm 1980.

### **1. Lịch sử xuất hiện của Hội thánh Tin Lành tư gia tại Việt Nam**

Ở Việt Nam sau tháng 4/1975, không gian biểu đạt tôn giáo bị thu hẹp đáng kể, đạo Tin Lành cũng không nằm ngoài bối cảnh này. Các giáo sĩ nước ngoài rời khỏi Việt Nam rất nhiều. Cho nên, những nhóm phái Tin Lành phụ thuộc nhiều vào các nhà truyền giáo nước ngoài đã không thể tự tồn tại. Tín hữu của những nhóm phái này buộc phải tham gia vào HTTLVNMN [Reimer, 2011: 57].

Với sự ủng hộ mạnh mẽ của chính quyền, chấp sự Nguyễn Thành Long ở nhà thờ Gia Định và Nguyễn Châu An đã đứng ra thành lập Hội thánh Tin Lành thống nhất nhằm tập hợp tất cả các giáo phái vào một tổ chức Tin Lành yêu nước. Tuy nhiên, với tư cách là những chấp sự không có uy tín trong Hội thánh, cùng với việc chưa có tiền lệ đạo Tin Lành tham gia vào các tổ chức chính trị, đảng phái, nên hầu hết các Hội thánh Tin Lành từ chối tham gia vào tổ chức chung này, ngoại trừ Hội thánh Tin Lành Báp-tít Ân điển của Mục sư Nguyễn Quốc Chánh gia nhập một thời gian. Mục sư Ông Văn Huyền được mời làm Tổng Quản nhiệm khi đó cho rằng “Nếu một Hội thánh Tin Lành yêu nước được thành lập thì có nghĩa là những người Tin Lành khác không yêu nước. Tất cả người Tin Lành đều yêu nước, chúng ta không cần thành lập một tổ chức yêu nước trong một Hội thánh yêu nước” [Nguyễn Hữu Cương, 1995: 47]. Nỗ lực thống nhất tổ chức Tin Lành này hoàn toàn bị sụp đổ khi chấp sự Nguyễn Thành Long qua đời. Kể từ thời điểm này, về mặt chính thức, “ở miền Nam chỉ có một HTTLVN duy nhất, nhưng các giáo phái khác vẫn có những buổi thờ phượng trong nhà riêng của mình, hay còn gọi là tư gia” [PVS, nam Mục sư, 72 tuổi, online].

Sau những năm đầu đình trệ, đời sống tâm linh và lòng nhiệt thành tôn giáo giảm sút, đạo Tin Lành đã bắt đầu tăng trưởng trở lại vào đầu những năm 1980. Lúc đó có hai nhà thờ ở Thành phố Hồ Chí Minh phát triển rất mạnh là nhà thờ An Đông do Mục sư Nguyễn Hữu Cương làm quản nhiệm và nhà thờ số 7 Trần Cao Vân do Mục sư Hồ Hiếu Hạ làm quản nhiệm. Như một Mục sư chia sẻ *“đây là hai nhà thờ rất nổi tiếng và lớn mạnh, tổ chức được các buổi truyền giảng hàng tuần và kết quả là nhiều người tin nhận Chúa”* [PVS, nam Mục sư, 72 tuổi, online]. Có thể nói, nhà thờ An Đông và nhà thờ Trần Cao Vân là một trong những tiền khu mở đường cho phong trào Hội thánh Tin Lành tư gia ở Việt Nam. Tất cả những lãnh đạo của các nhóm Hội thánh Tin Lành tư gia, từ Mục sư Đinh Thiên Tứ đến Võ Văn Lạc, Trần Đình Ái, và Trần Mai, đều có liên hệ mật thiết và chịu ảnh hưởng của nhà thờ An Đông, Trần Cao Vân, và sau này là Trương Minh Giảng.

Sau khi nhà thờ An Đông do Mục sư Nguyễn Hữu Cương lãnh đạo không còn được duy trì sinh hoạt<sup>2</sup>, các tín hữu di chuyển qua sinh hoạt tại nhà thờ Trần Cao Vân dưới sự lãnh đạo của Mục sư Hồ Hiếu Hạ. Trước năm 1975, Mục sư Hồ Hiếu Hạ cùng vợ đã truyền giáo rất thành công trong vùng đồng bào người Mnông ở Tây Nguyên. Sau năm 1975, họ quay trở lại Thành phố Hồ Chí Minh và được bổ nhiệm làm mục sư tại nhà thờ số 7 Trần Cao Vân mà trước đó phục vụ như một nhà thờ quốc tế. Nhà thờ này thuộc về HTTLVNMN nhưng không có ai đến dự lễ bởi những người nước ngoài đã rời Việt Nam sau năm 1975. Các bài giảng của Mục sư Hồ Hiếu Hạ đáp ứng được nhu cầu của quần chúng. Như một mục sư chia sẻ với chúng tôi *“trong bối cảnh sau 30/4/1975, nhiều người chưa chuẩn bị cho mình một đời sống hậu giải phóng, thì sứ điệp giảng dạy của ông mang đến sự an ủi, khích lệ, nâng đỡ, và hy vọng. Ảnh hưởng đó lớn đến mức nhiều người sau khi tin nhận Chúa đã về nhà dẫn dắt người thân, gia đình, dòng họ mình đến với Chúa. Thậm chí những người vợ có chồng đi cải tạo, ở nhà buồn chán, được bạn bè mời đến nhà thờ tin nhận Chúa, sau khi học xong Lời Chúa đi thăm nuôi chồng và hướng dẫn chồng tin nhận Chúa trong trại cải tạo”* [PVS, nam Mục sư, 72 tuổi, online].

Kết quả là từ năm 1978 đến năm 1983, trung bình hàng năm nhà thờ có hơn 1.000 người tin nhận Chúa, rất nhiều trong số đó được làm lễ Báp-têm [Nguyễn Hữu Cương, 1995: 97; Reimer, 2011: 61]. Thế nhưng chính sự phát triển này, cũng giống như nhà thờ An Đông, làm cho lãnh đạo HTTLVNMN lo ngại thu hút sự chú ý của chính quyền nên đã quyết định đóng cửa nhà thờ Trần Cao Vân. Khi đó các tín hữu lại di chuyển sang nhà thờ Tuy Lý Vương do Mục sư Đinh Thiên Tứ làm quản nhiệm [Tư liệu phỏng vấn sâu online, tháng 10/ 2021].

Năm 1984, với sự đồng ý của Hội trưởng HTTLVNMN là Mục sư Ông Văn Huyền và sự ủng hộ của chính quyền, Mục sư Nguyễn Văn Quang đứng đầu một ủy ban chủ trương bãi bỏ hiến chương của HTTLVNMN và chuẩn bị xây dựng một bản hiến chương mới. Điều này nhanh chóng dẫn đến nhiều chia rẽ trong Hội thánh, ở cả cấp độ lãnh đạo Hội thánh và những người tín hữu [Reimer, 2011: 66]. Một số mục sư trẻ có triển vọng không còn tin tưởng vào quyền điều hành của những người đứng đầu HTTLVNMN lúc bấy giờ. Chính sự chia rẽ này đã dẫn đến sự ra đời của phong trào Hội thánh Tin Lành tư gia bốn năm sau đó.

Cùng với hai nhà thờ An Đông và Trần Cao Vân, nhà thờ Tuy Lý Vương dưới quyền điều hành của Mục sư Đinh Thiên Tứ cũng tăng trưởng mạnh mẽ trong thời gian này. Tuy nhà thờ Tuy Lý Vương nằm ở quận 8, không có vị trí địa lý thuận lợi như hai nhà thờ nói trên, nhưng sự điệp trong bài giảng của Mục sư Đinh Thiên Tứ mang tính bình dân, đáp ứng được nhu cầu cần giải tỏa bất an, lo lắng của nhiều người lúc bấy giờ. Hơn nữa, ông đã có một chiến lược rất tốt trong việc huấn luyện mọi người trình bày Phúc âm (Tin Lành) cho người khác, hay nói cách khác là làm chứng đạo cá nhân (chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này ở phần sau) [PVS, nam Mục sư, 72 tuổi, Thành phố Hồ Chí Minh].

Sự phát triển này khiến cho lãnh đạo của HTTLVNMN lo lắng rằng sẽ rơi vào một kịch bản nhà thờ không thể tiếp tục sinh hoạt như nhà thờ An Đông và Trần Cao Vân. Mặt khác, trong nhà thờ này, Mục sư Đinh Thiên Tứ, và những người khác được xem là đang có những dấu hiệu ảnh hưởng bởi phong cách thờ phượng Ngũ Tuần và sử dụng

các ân tứ phép lạ, như nói tiếng lạ, nói tiên tri, và cầu nguyện chữa bệnh, mà được du nhập vào Việt Nam từ những năm đầu 1970<sup>3</sup>. Tất cả những điều này khiến cho HTTLVNMN trục xuất Mục sư Đinh Thiên Tứ ra khỏi Hội thánh với lý do không phục tùng vào ngày 12/3/1988. Rất nhiều tín hữu đã đi ra cùng với Mục sư Đinh Thiên Tứ; các cuộc sinh hoạt, thờ phượng tiếp tục được diễn ra tại nhiều nhà riêng nhanh chóng tạo thành một mạng lưới nhà thờ tư gia. Chỉ trong một thời gian ngắn đã trở thành một nhóm nhà thờ tư gia lớn nhất, và là nhóm Tin Lành tư gia đầu tiên tại Việt Nam, tiền thân của Hội thánh Liên hữu Cơ đốc hiện nay.

Cũng trong năm 1988, ba mục sư khác là Trần Đình Ái, Võ Văn Lạc và Trần Mai đã bị trục xuất ra khỏi HTTLVNMN vì lý do ủng hộ thực hành nói tiếng lạ. Sau đó, Mục sư Trần Đình Ái quay trở lại với Hội thánh Phúc âm Ngũ Tuần mà ông từng tham gia trước năm 1975<sup>4</sup>. Mặc dù Hội thánh Tin Lành Ngũ tuần được thành lập vào ngày 30/4/1989, nhưng tới tận tháng 01/1990 mới tổ chức được Hội đồng lần thứ nhất, bầu ra Ban Điều hành Tổng hội chính thức, với Mục sư Trần Đình Ái làm Tổng Quản nhiệm, Mục sư Võ Văn Lạc làm Phó Tổng quản nhiệm, Mục sư Phạm Phú Ánh làm Tổng Thủ quỹ, cùng các mục sư khác là Bùi Thanh Sê, Lý Xuân Hòa, và Dương Thành Lâm làm ủy viên [Cộng đồng Tin Lành Hà Nội, 2016: 92]. Tuy nhiên, đến tháng 6/1990 do bất đồng nội bộ, Mục sư Võ Văn Lạc tách ra lập Giáo hội Phúc âm Toàn vẹn Việt Nam.

Ngoài ra, Mục sư Trần Mai trên cơ sở của nhà thờ Trương Minh Giảng đã gây dựng ra một nhóm riêng là Liên đoàn Truyền giáo Phúc âm. Nhà thờ Trương Minh Giảng thuộc HTTLVNMN được thành lập năm 1958 và vẫn phát triển ổn định sau năm 1975 dưới sự điều hành của Mục sư Nguyễn Xuân Ba và Mục sư Dương Đức Hiền [Nguyễn Hữu Cương, 1995: 107-109]. Nhà thờ này có đội ngũ ban chấp sự làm việc hiệu quả, luôn sát cánh cùng các mục sư trong những giai đoạn khó khăn, họ được đào tạo bài bản về Kinh Thánh và kỹ năng ứng phó với hoàn cảnh mới. Sau khi ba nhà thờ An Đông, Trần Cao Vân, và Tuy Lý Vương không thể tiếp tục sinh hoạt, nhân sự và các tín hữu của các nhà thờ này lại tản đi các nhà thờ khác, nhiều nhất là nhà thờ

Trương Minh Giảng, dưới sự điều hành của Mục sư Trần Mai lúc bấy giờ. Nhà thờ khi đó có những nhân sự trẻ và năng động như Hồ Tấn Khoa, Nguyễn Ngọc Hiền, Võ Bá Thanh; họ đứng đầu các ban thanh niên, thiếu niên, tham gia kiêng ăn, cầu nguyện và sốt sáng truyền đạo. Mục sư Trần Mai không thể dung hòa giữa một bên là HTTLVNMN không muốn những người có tinh thần Ngũ tuần tham gia vào nhà thờ này, và bên kia là các nhân sự trẻ tài năng sốt sáng truyền đạo [Tư liệu phỏng vấn sâu online tháng 10/2021]. Cuối cùng, Mục sư Trần Mai bị ngưng chức chủ tọa nhà thờ Trương Minh Giảng và bị trục xuất khỏi HTTLVNMN; từ đó ông cùng với những nhân sự trẻ có ảnh hưởng gây dựng lên nhóm Liên đoàn Truyền giáo Phúc âm.

Hội thánh Tin Lành tư gia ngoài nguồn gốc ra đời từ HTTLVNMN, thì sau những năm 1990 xuất hiện nhiều nhóm tư gia của những người tin nhận Chúa từ các trại tị nạn ở các nước châu Á, chủ yếu là từ Hồng Kông, và những người đi lao động và học tập trở về từ Liên Xô, Đông Đức, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, và các quốc gia châu Á, như: Hàn Quốc, Malaysia, Đài Loan, Singapore [Kimson Nguyen, 2019: 15].

Như vậy, ở Việt Nam trước năm 1988 có thể đã tồn tại hình thức Tin Lành thờ phượng tư gia, nhưng để lớn mạnh như một phong trào thì chỉ khi có sự xuất hiện của bốn nhóm Tin Lành tư gia nói trên<sup>5</sup>. Sự ra đời của các nhóm tư gia này là cột mốc quan trọng của lịch sử đạo Tin Lành Việt Nam. Đến đây, đạo Tin Lành Việt Nam tạm được chia thành hai nhóm, một nhóm là Hội thánh Tin Lành truyền thống theo đường hướng thần học của Hội Truyền giáo Phúc âm Liên Hiệp (C&MA) và một nhóm được xem các Hội thánh Tin Lành tư gia. Nhìn chung, Hội thánh Tin Lành tư gia cũng không thể thoát khỏi đặc trưng đa dạng của đạo Tin Lành nói chung, nhưng thường có khuynh hướng Ngũ tuần và ân tứ mạnh mẽ, có nhiều thành viên nói tiếng lạ, thực hành chữa bệnh bằng đức tin<sup>6</sup> [Nguyễn Xuân Hùng, 2011: 231].

Sau khi xuất hiện vào năm 1988, Hội thánh Tin Lành tư gia đã phát triển bùng nổ vào những năm 1990 và chững lại vào những năm 2000. Đến năm 2009, ước tính có khoảng 250.000 tín hữu sinh hoạt ở ít nhất 2.500 điểm nhóm thuộc các Hội thánh Tin Lành tư gia trên cả nước

[Reimer, 2011: 71]. Các Hội thánh Tin Lành tư gia có từ một đến thậm chí hàng trăm điểm nhóm và có mối quan hệ quốc tế rộng rãi với các giáo phái, như: Hội thánh Phúc âm Ngũ tuần, Hội thánh Mennonite, Giám lý, Trưởng lão, hoặc một số Hội thánh Tin Lành tư gia khác độc lập về mặt tổ chức nhưng vẫn nhận sự hỗ trợ về mặt nhân sự và tài chính từ các tổ chức nước ngoài. Năm 1994, để đứng vững và phát triển trong điều kiện khó khăn, một số Hội thánh Tin Lành tư gia đã kết nối hình thành nên Hiệp hội Thông công Tin Lành Việt Nam (Vietnam Christian Fellowship), hay còn được biết đến với tên gọi F1. Đến năm 2009, Hiệp hội này có 29 Hội thánh Tin Lành tư gia miền Nam hoạt động hiệu quả với nhau trong việc tổ chức một số hoạt động chung [Reimer, 2011: 72]. Cũng trong năm này, một số Hội thánh Tin Lành tư gia miền Bắc đã kết nối với nhau hình thành nên Hiệp hội Thông công Tin Lành Hà Nội (Hanoi Christian Fellowship). Ngoài ra, có một số Hội thánh Tin Lành tư gia không tham gia vào hai hiệp hội trên mà chủ trương hoạt động riêng rẽ.

Như vậy, ở nội dung trên, chúng tôi đã cố gắng khái quát lịch sử xuất hiện Hội thánh Tin Lành tư gia tại Việt Nam nhưng chưa trả lời vấn đề quan trọng nhất của bài viết: Điều gì giải thích cho sự phát triển bùng nổ của Hội thánh Tin Lành tư gia trong bối cảnh có những khó khăn trong đời sống tôn giáo vào những năm 1990 và có những căng thẳng đối với Hội thánh Tin Lành truyền thống C&MA? Phần tiếp theo bài viết tập trung phân tích những lý do dẫn đến sự phát triển bùng nổ của Hội thánh Tin Lành tư gia.

## **2. Nguyên nhân dẫn đến sự phát triển bùng nổ của Hội thánh Tin Lành tư gia ở Việt Nam**

Lý do đầu tiên mang tính ý thức hệ giải thích cho sự phát triển của đạo Tin Lành là sự tan vỡ của Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, tạo ra một khoảng trống hệ tư tưởng, và quần chúng chuyển sang tin tưởng các niềm tin tôn giáo như một cách để bù đắp. Năm 1990, ở Việt Nam, Bộ Chính trị nhìn nhận lại vai trò của tôn giáo trong thời kỳ xây dựng xã hội mới đã ban hành Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 16/10/1990, trong đó nêu những điểm đáng chú ý: “Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của

một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới” [Dẫn theo: Nguyễn Thanh Xuân, 2020: 365]. Nghị quyết này đã tạo ra những không gian tự do biểu đạt tôn giáo trong những giới hạn nhất định. Sự đổi mới nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo tạo ra điều kiện thuận lợi cho sự phục hồi và phát triển của các tín ngưỡng, tôn giáo.

Lý do thứ hai mang tính chức năng giải thích sự phát triển đạo Tin Lành ở Việt Nam là tôn giáo này giúp cho người ta hiểu và đối phó với những thách thức do nền kinh tế thị trường đem lại. Việt Nam đã và đang chuyển mình mạnh mẽ trong hơn ba thập niên vừa qua với những thay đổi nhanh chóng, trong đó mọi người đang tìm kiếm cảm giác về bản sắc và mục đích [Salemink, 2010; British Council, 2020]. Sự mất phương hướng này được Chen Xida mô tả là “tâm linh không mục đích rõ ràng và cá nhân bị gạt sang bên lề, điều này tạo ra sự mất lòng tin nơi xã hội và cá nhân” [dẫn theo: Wenger, 2004: 171]. Trong khi đó đạo Tin Lành mang lại cảm giác thân thuộc cộng đồng cho các thành viên của mình, mang lại niềm tin và hy vọng vượt qua hoàn cảnh trước mắt, và nền tảng đạo đức nuôi dưỡng việc quan tâm đến người khác, đặc biệt là những người kém may mắn [Lê Hoàng Phu, 2010; Mã Phúc Thanh Tươi, 2013; Vũ Thị Thu Hà (cb), 2018]. Như vậy, mặc dù có nguồn gốc từ phương Tây nhưng đạo Tin Lành có khả năng đem lại cảm giác an toàn, cảm giác cộng đồng, cảm giác mục đích và định hướng trong một xã hội Việt Nam đang biến đổi nhanh chóng. Theo Fenggang Yang [Dương Phương Cương, 2005], việc đạo Tin Lành được xem có mối liên hệ với tính hiện đại phương Tây là lý do chính thu hút tầng lớp trung lưu đô thị. Như vậy, có thể nói rằng đạo Tin Lành được xem là tôn giáo của tính hiện đại tỏ ra phù hợp với cuộc sống hiện đại hóa đang diễn ra ở Việt Nam hiện nay. Đây chính là một trong những lý do mạnh mẽ khiến cho người ta viện đến niềm tin Tin Lành khi phải đối đầu với những khó khăn trong cuộc sống và những thách thức trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh.

Một giải thích mang tính quan sát khác cho sự phát triển các Hội thánh Tin Lành tư gia là tầm quan trọng của phép lạ siêu nhiên. Quá trình thực địa và qua các cuộc phỏng vấn sâu của chúng tôi gần đây

cho thấy câu chuyện cải đạo nổi bật thường là các cá nhân chưa tin nhận Chúa mắc bệnh hiểm nghèo, hoặc gặp một nan đề nào đó sau đó tìm đến Chúa để được chữa lành. Những người được chữa lành bằng phép lạ ân tứ này (hoặc được cho là được chữa lành) cải đạo sang Tin Lành, và nhanh chóng trở thành những người làm chứng đạo lan truyền tin tức chữa bệnh bằng phép lạ. Nói cách khác, *“những người này sau khi trải nghiệm được sự biến đổi, đã trở nên sốt sắng, tích cực làm chứng về Chúa. Mặt khác, Hội thánh cũng đào tạo những người mới này vững vàng lời Chúa và cách thức cụ thể làm chứng đạo”* [PVS, nam mục sư, 72 tuổi, online].

Mạng lưới các mối quan hệ cá nhân là cơ chế chính trong việc phát triển thành viên mới của Hội thánh Tin Lành tư gia. Trước tiên, những người này sẽ giới thiệu đức tin đến gia đình, bạn bè, và đồng nghiệp đáng tin cậy với suy nghĩ rằng đây là những người dễ cải đạo. Vala và O'Brien (2008) cho rằng các thành viên mới tham gia vào phong trào chính trị hay tôn giáo không chỉ bởi vì họ tin vào thông điệp của nó. Thay vào đó, những người tham gia thường bị lôi kéo vào các phong trào chính trị và tôn giáo thông qua những người mà họ quen biết bởi việc “tuyển dụng” đi theo chiều kích các mối quan hệ xã hội tích cực đã được xây dựng từ trước. Đối với các phong trào chính trị, bạn bè, đồng nghiệp, hay người thân đưa người mình biết đến một cuộc tuần hành, một cuộc họp, cuộc biểu tình. Còn đối với các phong trào tôn giáo, một thành viên hiện tại kết nối một người với cộng đồng tôn giáo mình đang sinh hoạt bằng cách đưa cho họ các tài liệu tôn giáo như Kinh Thánh hay dẫn họ đến các địa điểm sinh hoạt tôn giáo.

Tư liệu phỏng vấn sâu của chúng tôi cho thấy đa phần những người lần đầu tiên biết đến Chúa hay đi đến nhà thờ thông qua người thân và các mối quan hệ biết trước của mình. Mối quan hệ cá nhân giúp tăng cường cảm giác tin cậy và mang lại sự yên tâm cho người mới đi, theo kiểu “nếu bạn đi tôi cũng sẽ đi” [Vala và O'Brien, 2008: 108]. Ở đây, chúng tôi cho rằng có thể vận dụng lý thuyết mạng lưới xã hội để giải thích quá trình lan truyền đạo Tin Lành, mà cụ thể hơn bài viết này muốn hướng tới làm rõ là các Hội thánh Tin Lành tư gia. Lý thuyết mạng lưới xã hội giúp giải thích cách ứng xử, sự lựa chọn dựa trên các

mối liên kết, mối quan hệ của cá nhân cụ thể [Panier, 2004]. Ở đây, trong trường hợp này, không thể thiếu được vai trò quan trọng của “mạng lưới truyền miệng”.

Mạng lưới cá nhân và các mối quan hệ xã hội được xây dựng trên nó cho phép các nhà truyền giáo tận dụng mối quan hệ bạn bè, người thân, đồng nghiệp, hàng xóm để truyền đạo. Nói cách khác, mạng lưới này cung cấp cơ hội để nói về một đức tin xa lạ và cũng dễ dàng đưa ra quyết định cải đạo. Đối với những người mới đến, quan hệ cá nhân với những tín hữu của nhà thờ mang lại cho họ cảm giác ấm áp và thân thiện, cơ hội được hòa nhập với niềm tin mới. Những người tín hữu quen biết này thúc giục họ tham gia và một phần nào đó là giải thích cho họ những nghi ngờ về các tín lý tôn giáo [Vala và O'Brien, 2008: 109].

Hơn nữa, những người sinh hoạt tại các Hội thánh Tin Lành thường tích cực tham dự vào các buổi lễ và các buổi họp nhóm nhỏ khác bằng cách luân phiên nhau rao giảng, hát thánh ca, hay dẫn dắt các buổi học Kinh Thánh/ giáo lý. Chính việc sinh hoạt trong các nhà thờ tư gia nhóm nhỏ này khiến cho các tín đồ thường tỏ ra thoải mái khi kể trải nghiệm cá nhân với Hội thánh. Tư liệu điền dã và các cuộc phỏng vấn sâu của chúng tôi gần đây cho thấy thông thường khi kết thúc buổi lễ, người mục sư hay người điều tiết chương trình buổi lễ thờ phượng hôm đó sẽ mời gọi những người tham dự chia sẻ làm chứng về sức mạnh của Đức Chúa Trời cũng như nan đề mà một người gặp phải để Hội thánh cùng đồng tâm cầu nguyện, thậm chí là giúp đỡ cho các nhu cầu của nhau. Việc sinh hoạt trong những nhóm họp nhỏ và thân mật khiến cho các tín hữu mạnh dạn hơn trong việc bày tỏ những thiếu sót của bản thân và thảo luận những vấn đề nhạy cảm như xích mích vợ chồng, thất nghiệp cần việc làm, v.v... Từ đó, theo một mục sư “*sẽ tạo ra bầu không khí cởi mở, phát triển sự thân thuộc mà khó đạt được nếu như sinh hoạt trong các Hội thánh lớn từ vài trăm người đến hàng nghìn người*” [PVS, nam mục sư, 47 tuổi, online].

Quả thật, các nhà nghiên cứu trong hơn một thập niên qua đã nhấn mạnh đến mối liên kết xã hội trong việc cải giáo, thậm chí một số nghiên cứu còn đi xa đến mức lập luận rằng đức tin cấu thành sự phù

hợp tôn giáo của người thân của một người [Stark và Bainbridge, 1980]. Trong nghiên cứu bước ngoặt của mình, Snow và cộng sự (1980) cho rằng mạng lưới xã hội mang lại 60% đến 90% thành viên mới của một số nhóm tôn giáo. Như vậy, có thể nói rằng một trong những phát hiện quan trọng nhất của những nghiên cứu về cải giáo là kênh mạng lưới là nguồn cung cấp cải giáo phong phú nhất. Thậm chí đi xa hơn nữa, Stark và Bainbridge (1980) còn cho rằng tất cả tôn giáo đều dựa vào ảnh hưởng của mạng lưới.

Tất nhiên, bạn bè, đồng nghiệp, họ hàng người thân không phải là đối tượng duy nhất mà các nhà truyền đạo của Hội thánh Tin Lành tư gia hướng tới để cải đạo. Làm chứng đạo thông qua cá nhân không phải lúc nào cũng thành công và một khi mạng lưới này cạn kiệt, khiến cho các nhà truyền đạo phải tính đến phương án truyền giáo ra bên ngoài thông qua các buổi truyền giảng ở các sự kiện lớn như lễ giáng sinh và phục sinh, v.v... Tuy nhiên, dường như phương pháp này không hiệu quả bằng truyền đạo cá nhân. Tư liệu phỏng vấn sâu của chúng tôi ủng hộ lập luận này. Một người làm công tác phục vụ ở một Hội thánh Tin Lành tư gia trên địa bàn Hà Nội chia sẻ rằng *“nếu tỉ lệ thành công của việc chứng đạo cá nhân là 1/20 thì có lẽ tỉ lệ thành công của các buổi truyền giảng lớn hướng đến người lạ tỉ lệ thành công rất thấp, rơi vào khoảng 1/100”* (PVS, nam chấp sự, 29 tuổi, online).

Điều này cũng tương đồng với nhận định của Gerlach và Hine (1970), Lofland và Stark (1965), khi cho rằng việc truyền đạo ngoài trời tỏ ra không hiệu quả đối với giáo phái Mặc Môn (Giáo hội các Thánh hữu Ngày sau của Chúa Giê-su Kitô) và các giáo hội Ngũ tuần Mỹ, hoặc những nỗ lực truyền đạo của Giáo hội Thống nhất (The Unification Church) thông qua đài phát thanh, các cuộc hội họp công khai, hay thông cáo báo chí thường tỏ ra lúng túng nếu như những người được nhắm đến truyền đạo vượt ra ngoài mạng lưới quen biết với các thành viên [Snow và cộng sự, 1980: 795].

Điều này trái ngược với những ồn ào mà truyền thông Tin Lành đưa tin về kết quả của buổi truyền giảng lớn những năm gần đây<sup>7</sup>. Vậy câu hỏi đặt ra là tại sao không hiệu quả và tốn kém tài chính nhưng những

buổi truyền giảng lớn vẫn được thực hiện để hướng tới mục đích này? Câu trả lời mà chúng tôi nhận được qua các cuộc phỏng vấn sâu thường là các buổi truyền giảng lớn nhằm mục đích tạo tiếng vang, để công bố đại chúng sứ điệp của Chúa làm cho người ta biết đến Tin Lành, tạo ảnh hưởng cộng đồng làm cho chính quyền và tôn giáo khác thấy rằng người Tin Lành không phải là một cộng đồng nhỏ bé. Đồng thời, mang đến sự khích lệ cho những người tín hữu, đặc biệt là với những người mới gia nhập tôn giáo này cảm thấy không cô đơn lẻ loi, Tin Lành không phải là một nhóm thiểu số trong xã hội. Thậm chí những buổi truyền giảng lớn còn nhằm mục đích tác động đến quyết định cải đạo đối với những người đã nghe đến sứ điệp Tin Lành nhưng còn phân vân bày tỏ đức tin của mình [Tu liệu phỏng vấn sâu online tháng 10-11/ 2021 và phỏng vấn sâu trực tiếp tháng 7/ 2022].

Hơn nữa, một trong những đặc điểm thuận lợi của mô hình Hội thánh Tin Lành tư gia nhóm nhỏ là sự linh hoạt, cơ động, dễ điều chỉnh xét về mặt tổ chức. Không giống những tổ chức lớn khi đối diện với một nan đề cần mất nhiều thời gian để điều chỉnh, thì mô hình Hội thánh nhóm nhỏ dựa trên sự cơ động, linh hoạt, dễ điều chỉnh và phản ứng nhanh. Nhờ đó mà nó giải quyết được những nan đề rất cụ thể và thực tế cho cộng đồng của mình [Tu liệu phỏng vấn sâu online tháng 10-11/ 2021 và phỏng vấn sâu trực tiếp tháng 7/ 2022].

Ngoài ra, sự hấp dẫn của các nhà thờ tư gia còn đến từ việc nó cung cấp hình thức giải trí và cộng đồng, đặc biệt ở những giai đoạn và những điều kiện còn hạn chế tiếp cận các dịch vụ này. Như chia sẻ của một mục sư: *“không như bây giờ có những hình thức giải trí như xem tivi, hay vào internet xem tin tức, lướt web, còn trước đây đến với Hội thánh cũng là một cách để kết nối, cùng nhau hát thánh ca, chia sẻ xem tuần này đã làm được gì, và tuần sau sẽ làm gì...”* [PVS, nam mục sư, 51 tuổi, online].

Những nhà thờ Tin Lành tư gia hình thành trên sự gắn gũi về mặt địa lý. Sự vắng mặt của các Hội thánh truyền thống ở những khu vực địa lý đi lại khó khăn cũng có thể là nguyên nhân phát triển của các Hội thánh Tin Lành tư gia. Theo tư liệu điền dã của chúng tôi, trước khi có Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đối với đạo

Tin Lành cho phép thành lập điểm nhóm năm 2005, một điểm nhóm của người Hmông thuộc Hội thánh Tin Lành Bắc Sơn (HTTLVNMB) phải di chuyển hơn 14 kilômét đường rừng mới đến được nhà thờ chính để thờ phượng Chúa. Hơn nữa, người Tin Lành sống rải rác, không tập trung thành những cộng đồng lớn, đặc biệt là ở khu vực đô thị, nên không đòi hỏi một không gian thờ phượng lớn. *“Chính vì vậy sinh hoạt tại tư gia đem lại cho họ sự cơ động, linh hoạt, theo cách cứ một nhóm có khoảng năm đến bảy người nhóm họp lại với nhau thì thành Hội thánh”* [PVS, nam mục sư, 47 tuổi, online].

Sự hình thành nhà thờ tư gia dựa trên sự gắn gũi về mặt địa lý còn chịu ảnh hưởng bởi biến số giới tính và tuổi tác. Như chia sẻ của một nữ mục sư: *“Hội thánh của chị đa số là phụ nữ, họ phải phụ trách bếp núc trong gia đình, nhóm thờ phượng tại nhà thì sẽ tiện hơn trong vấn đề đi lại, chăm sóc con cái, gia đình”* [PVS, nữ mục sư truyền đạo, 50 tuổi, online]. Hay như chia sẻ của một mục sư khác: *“Theo lẽ thông thường thì những người lớn tuổi cũng cần những nhóm gần nhà họ, nên việc có những nhóm nhỏ ở nhiều nơi, đặc biệt thuận lợi cho người lớn tuổi”* [PVS, nam mục sư, 47 tuổi, online].

Như vậy, nằm trong khuôn khổ gắn gũi về mặt địa lý, các nhóm nhỏ hay còn gọi là nhóm tế bào cũng có thể hình thành xung quanh các nhóm nhân khẩu học cụ thể, chẳng hạn như phụ nữ hoặc người lớn tuổi. Những nhóm tế bào này rất quan trọng đối với tổ chức Hội thánh lớn hơn bởi nó vừa đáp ứng nhu cầu của các cá nhân vừa gắn kết họ với nhà thờ.

Cuối cùng thì sự hạn chế của các Hội thánh truyền thống cũng góp phần vào sự phát triển nhanh chóng của cộng đồng Tin Lành tư gia. Kể từ khi du nhập, HTTLVN (C&MA) đi theo mô hình thứ bậc dựa trên nhà thờ đã bộc lộ những hạn chế như thờ phượng mang tính hình thức, lễ nghi nhiều hơn. Ngược lại, các Hội thánh Tin Lành tư gia với hình thức thờ phượng đáp ứng nhu cầu cảm xúc nên mang lại một sức hút lôi cuốn mới. Hơn nữa, để đáp ứng nhu cầu phát triển, Hội thánh Tin Lành tư gia mang lại nhiều cơ hội cho một người trở thành người mục sư, hay nói theo ngôn ngữ thuộc linh là tạo điều kiện cho tín hữu đi hầu việc Chúa. Điều này rất khó đạt được trong các Hội thánh

truyền thống lên tới vài trăm người hay cả nghìn người [Tư liệu phỏng vấn sâu online tháng 10 và 11/2021].

Mặc dù các Hội thánh Tin Lành tư gia phát triển mạnh trong một thời gian dài nhưng nỗ lực của Hội thánh Tin Lành tư gia không phải lúc nào cũng thành công bởi sự cạnh tranh bởi các Hội thánh truyền thống cũng như áp lực từ phía chính quyền. Sau giai đoạn phát triển mạnh mẽ, tinh thần tư gia buổi ban đầu đã chuyển hướng hình thành nên tổ chức, xây dựng nhà thờ lớn mang dáng dấp của Hội thánh truyền thống. Việc các Hội thánh Tin Lành tư gia xây cất các nhà thờ lớn hoặc ít nhất bày tỏ sự quan tâm đến việc có các tòa nhà thờ phượng lớn cho thấy Hội thánh Tin Lành tư gia Việt Nam chỉ là giải pháp hoạt động để ứng phó với hoàn cảnh hạn chế mở các Hội thánh mới, chứ nó ít mang ý nghĩa thần học (chẳng hạn như Hội thánh Tin Lành tư gia là hình ảnh của Giáo hội sơ khai) [Le Hoang Anh Vu, 2016: 7].

### **Kết luận**

Nhóm tác giả đã cố gắng khái quát sự xuất hiện của Hội thánh Tin Lành tư gia ở Việt Nam sau thập niên 1980, và quan trọng hơn cố gắng chỉ ra nguyên nhân phát triển bùng nổ của nó. Theo đó, sự phát triển của Hội thánh Tin Lành tư gia có thể giải thích từ sự vận động chuyển mình của xã hội Việt Nam đương đại đã nói rộng không gian biểu đạt tôn giáo đến cơ cấu tổ chức theo mô hình nhóm nhỏ và chiến thuật truyền đạo tập trung vào mạng lưới cá nhân.

Các Hội thánh Tin Lành tư gia trong những năm gần đây đã có những bước phát triển mạnh mẽ, nhưng nguyên lý chung vẫn dựa trên các mối quan hệ bền chặt. Mô hình Hội thánh Tin Lành tư gia nhóm nhỏ thường được bắt đầu từ một vài gia đình nhóm họp với nhau để thờ phượng, học Kinh thánh. Sau đó, dựa trên các mối quan hệ cá nhân, cũng như sự giới hạn biểu đạt tôn giáo được nói lỏng, những người khác được mời gọi tham gia. Như vậy, có thể thấy được Hội thánh Tin Lành tư gia đã có chiến lược phát triển hợp lý trong điều kiện không gian biểu đạt tôn giáo có những giới hạn nhất định và khắc phục được những hạn chế của Hội thánh truyền thống để thu hút tín đồ mới.

Tuy nhiên, hiện nay sự phát triển của Hội thánh Tin Lành tư gia có phần chững lại, tinh thần tư gia buổi ban đầu đã không còn nguyên vẹn khi một số Hội thánh cũng hình thành nên tổ chức chặt chẽ và xây dựng các tòa nhà thờ lớn mang hình bóng của nhà thờ truyền thống. Nó chuyển sang những liên kết mềm khác chứ không hẳn còn là tư gia nữa. Mặt khác, sự phát triển của Hội thánh Tin Lành tư gia còn vấp phải sự cạnh tranh đến từ các Hội thánh truyền thống. Chính điều này đòi hỏi các Hội thánh Tin Lành tư gia phải ngày càng tham gia vào các hoạt động xã hội và tăng cường khả năng tiếp cận xã hội bằng cách dự phần vào giải quyết các vấn đề mang tính thời sự, như cách diễn đạt của Wood (1999) rằng nếu nhóm tôn giáo nào muốn ảnh hưởng đến xã hội thì phải có khả năng hoạt động trong lĩnh vực công cộng.

Cuối cùng, chúng tôi đã có phần tham vọng để đưa một chủ đề khá rộng vào trong phạm vi một bài viết, vì vậy không thể tránh được những hạn chế. Bài viết này vẫn chưa làm rõ được mối quan hệ giữa Hội thánh Tin Lành tư gia và Hội thánh truyền thống, hay nói cách khác là điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tổ chức này. Sự vận động phát triển đang kéo hai tổ chức này xích lại gần nhau, vì vậy có những lý do chòng chéo nhất định mà có thể giải thích được cho sự phát triển của cả hai. Hơn nữa, mối quan hệ này có tính bổ sung hay đối kháng nhau, hai hình thức tôn giáo này hỗ trợ hay hạn chế nhau như thế nào vẫn chưa được bài viết làm rõ. Dù đã được đề cập, nhưng vẫn cần đào sâu thêm về giới hạn của Hội thánh Tin Lành tư gia và hạn chế của nó trong quá trình phát triển. Bên cạnh đó, sự phát triển của Hội thánh Tin Lành tư gia có thể giải thích bằng việc tham gia vào các hoạt động xã hội để thu hút sự chú ý của cộng đồng hay bằng các nguồn viện trợ của một số tổ chức nước ngoài như một số nghiên cứu đã đề cập, nhưng quan trọng hơn nghiên cứu tiếp theo cần phải trả lời cho lý do đằng sau sự viện trợ này./.

### CHÚ THÍCH:

- 1 Viết tắt của tên tiếng Anh là “the Christian and Missionary Alliance”. Mặc dù, hầu hết các nhà nghiên cứu đều đồng ý năm 1911 là mốc đánh dấu đạo Tin Lành đặt chân đến Việt Nam bởi các giáo sĩ của Hội truyền giáo Phúc âm Liên hiệp (Mỹ), nhưng theo một số nhà nghiên cứu mới đây thì trước đó đã có sự hiện diện của các hội truyền giáo nước ngoài, trong đó đáng chú ý là các hội truyền giáo đến từ Pháp như Nhà thờ Cải cách Pháp (*Église Réformée de France*), Hiệp hội Truyền giáo Tin Lành Paris (*Société des Missions Évangéliques de Paris*), và Hội Truyền giáo Tin Lành tại các thuộc địa Pháp (*Société d'Évangélisation des Colonies Françaises*). Tuy chỉ để lại những kết quả không đáng kể nhưng nó có ý nghĩa quan trọng đặt nền móng cho sự phát triển của các hiệp hội truyền giáo sau này (Xem thêm: Pascal Bourdeaux 2016; Kimson Nguyen 2017; Đặng Ngọc Phúc 2011).
- 2 Mục sư Nguyễn Hữu Cương có bằng Thạc sĩ nước ngoài và là giáo sư Thần học Viện Nha Trang. Khi Thần học Viện Nha Trang không còn được tiếp tục đào tạo, ông quay trở về Sài Gòn, hướng dẫn nhà thờ An Đông nơi có đông đảo các tín hữu là sinh viên sinh hoạt ở đó. Trước đó gần An Đông, có cơ sở của sinh viên Tin Lành Nguyễn Duy Dương. Sau khi cơ sở này không được tiếp tục sinh hoạt, thì những sinh viên này về sinh hoạt tại nhà thờ An Đông. Như vậy có thể nói, sơ dĩ nhà thờ An Đông phát triển là do thành phần tham gia vừa trí thức lại vừa trẻ. (PVS, nam Mục sư, 72 tuổi, online).
- 3 Theo Reimer (2011), về vấn đề này, HTTLVN (miền Nam) bảo thủ hơn những người sáng lập Hội Truyền giáo Phúc âm Liên hiệp. Theo đó, những người sáng lập Hội Truyền giáo Phúc âm Liên hiệp đưa ra chính sách “không tìm kiếm, nhưng cũng không cấm” đối với vấn đề ân tứ. Dựa vào điều này, trong cuộc điều trần với lãnh đạo HTTLVN (miền Nam) trong việc quy kết ông ủng hộ thần học và phong cách thờ phượng Ngũ tuần, Mục sư Đinh Thiên Tứ cho rằng mình đã đi đúng đường hướng của giáo hội mẹ C&MA (PVS, nam Mục sư, 73 tuổi, Thành phố Hồ Chí Minh).
- 4 Trước năm 1975, Mục sư Trần Đình Ái thuộc về Hội thánh Phúc âm Ngũ Tuần, vì một số lý do nên ông đã gia nhập HTTLVN (miền Nam) sau đó.
- 5 Theo ghi nhận của chúng tôi, trước năm 1975, do ảnh hưởng quan điểm thần học về vấn đề Hội thánh Tin Lành tư gia của Nghệ Thác Thanh và Lý Thượng Thụ bên Trung Quốc, một số người, đứng đầu là truyền đạo Đặng Văn Đản chủ trương tách khỏi HTTLVN (miền Nam) xây dựng nhóm Hội chúng địa phương thờ phượng tại nhà. Khác với bốn nhóm Tin Lành tư gia, hay còn được biết đến với cái tên tứ đại gia tư gia (Tứ-Mai-Ái-Lạc) hình thành năm 1988 nhằm tránh sự chú ý của chính quyền, thì nhóm này chủ trương lựa chọn thờ phượng tại nhà, cho dù họ không gặp khó khăn gì trong việc sinh hoạt tại các nhà thờ của HTTLVN (miền Nam) (PVS, nam Mục sư, 63 tuổi, Thành phố Hồ Chí Minh).

- 6 Tuy nhiên, theo Le Hoang Anh Vu (2016), không phải tất cả các Hội thánh Tin Lành tư gia đều là Ngũ tuần, bởi các Hội thánh Ngũ tuần tư gia không thể đại diện hết cho người Ngũ tuần Việt Nam được. Hơn nữa có những người thông thạo/ thực hành những nguyên tắc Ngũ tuần nhưng lại không tham gia vào Hội thánh Ngũ tuần. Mặt khác, nói tiếng lạ là thực hành chính yếu trong những ngày đầu phong trào Hội thánh Tin Lành tư gia tại Việt Nam, nhưng thực hành này đã trở nên ít nổi bật trong những năm gần đây. Cầu nguyện chữa lành và đuổi quỷ, hiểu theo nghĩa rộng là những trải nghiệm kỳ diệu của thần thánh, trở thành thực hành trọng tâm hơn của Hội thánh Tin Lành tư gia Việt Nam.
- 7 RFI - Tại Việt Nam, các đêm Giáng sinh truyền giảng Tin Lành thu hút hàng chục ngàn người tham dự (truy cập tháng 10/2021); <https://www.hoithanhhaanoi.com/tin-tuc/cong-dong-tin-lanh/hang-ngan-nguoi-tiep-nhan-chua-trong-dem-ky-niem-500-nam-tin-lanh-cai-chinh-9-12-2017> (truy cập tháng 11/ 2019). Rất nhiều người, trong đó có cả những chức sắc Tin Lành nghi ngờ về sự chân thực của các báo cáo này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2015), *Tôn và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn Giáo: Hà Nội.
2. British Council (2020), *Báo cáo Nghiên cứu thể hệ trẻ Việt Nam*, <https://www.britishcouncil.vn/sites/default/files/nghien-cuu-the-he-tre-viet-nam.pdf>.
3. Cộng đồng Tin Lành tại Hà Nội (2016), “Tọa đàm lần 1 – 2016 – Nhân dịp Lễ cảm tạ, Kỷ niệm 100 năm Hội thánh Tin Lành Hà Nội”.
4. Nguyễn Hữu Cương (1995), “The Growth of Certain Protestant Churches in Saigon under the Vietnamese Communist Government from 1975”, Ph.D. Dissertation. San Francisco Theological Seminary.
5. Hoàng Minh Đô (2013), “Nhìn lại quá trình hình thành và phát triển Tin Lành vùng dân tộc thiểu số phía Bắc”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9: 45-52.
6. Nguyễn Hồng Dươn (2014), “Toát yếu về Tin Lành ở Miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1911- 1975”. *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6: 82-90.
7. Nguyễn Khắc Đức (2010), “Xu hướng biến động của đạo Tin Lành trong đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc”. *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11: 42-47.
8. Emmanuel, Pannier (2008), “Phân tích mạng lưới xã hội: Các lý thuyết, khái niệm và phương pháp nghiên cứu”, *Xã hội học*, số 4.
9. Gerlach, Luther P. and Hine, Virginia H (1970), *People, Power, Change: Movements of social transformation*. Indianapolis: Bobbs-Merrill.
10. Vũ Thị Thu Hà (chủ biên) (2018), *Giá trị và chức năng của Tin Lành trong vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội: Hà Nội.

11. Nguyễn Xuân Hùng (2011), “Hiện tượng gia tăng các Hội thánh Tin Lành tư gia Tin Lành hoạt động độc lập – Những tiếp cận nghiên cứu ban đầu” in trong Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2011), *Đời sống tôn giáo ở Việt Nam và Trung Quốc*, Nxb Từ điển bách khoa: Hà Nội.
12. Nguyễn Xuân Hùng (2014), “Truyền giáo Tin Lành vào các tộc người thiểu số ở vùng Nam Trường Sơn - Tây Nguyên từ khởi đầu đến năm 1975”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4: 105-114.
13. Nguyễn Xuân Hùng (2015a), “Về Hội truyền giáo Tin Lành C.M.A”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10: 89-109.
14. Nguyễn Xuân Hùng (2015b), “Lịch sử mối quan hệ giữa Hội Truyền giáo Tin Lành C.M.A và Hội Thánh Tin Lành Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11: 91-106.
15. Nguyễn Xuân Hùng (2017a), “Quá trình truyền giáo của đạo Tin Lành tại Việt Nam từ năm 1911 đến năm 1975”, Luận án Tiến sĩ Sử học, Học Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
16. Nguyễn Xuân Hùng (2017b), “Hệ thống tổ chức của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam thời kỳ đầu (1927-1954)”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11: 54-74.
17. Đỗ Quang Hưng (2011), “Một vấn đề thần học Tin Lành Việt Nam hiện nay”, *Khoa học xã hội*, số 3.
18. Nguyễn Quang Hưng (2017), “Đặc thù tổ chức giáo hội – Một lý do cơ bản khiến một bộ phận dân tộc thiểu số cải giáo theo Tin Lành”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3&4: 85-97.
19. Irwin, E.F (1937), *With Christ in Indo-China: the story of Alliance Missions in French Indo-China and Eastern Siam*, Christian Pub.
20. Lofland, John. and Stark, Rodney. 1965. “Becoming a World-Saver: A Theory of Conversion to a Deviant Perspective,” *American Sociological Review* 30,6: 862–875.
21. Đoàn Triệu Long (2012), “Đạo Tin Lành buổi đầu vào Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1: 43-49.
22. Lê Đình Lợi (2012) “Vài nét về phương thức truyền giáo của đạo Tin Lành vào cộng đồng người Mông ở Lào Cai”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 10: 44-51.
23. Ngô Văn Minh (2011), “Về phương pháp truyền giáo và phát triển tín đồ của các tôn giáo tại Tây Nguyên”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6: 49-55.
24. Mai Minh Nhật (2015), “Phương pháp truyền giáo của đạo Tin Lành trong cộng đồng các dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng trước năm 1975”, *Khoa học-Đại học Thủ dầu I*, số 22: 37-44.
25. Nguyen, Kimson (2019), *Cultural Integration and the Gospel in Vietnamese Mission Theology: A Paradigm Shift*, Langham Monographs.
26. Phan, Peter. C (2014), “Christianity in Vietnam Today (1975-2013): Contemporary Challenges and Opportunities.”, *International Journal for the Study of the Christian Church* 14 (1): 3–21.

27. Lê Hoàng Phu (2010), *Lịch sử Hội thánh Tin Lành Việt Nam (1911-1965)*, Nxb Tôn giáo: Hà Nội.
28. Reimer, Reg (2011), *Vietnam's Christians: A Century of Growth in Adversity*, William Carey.
29. Salemink, Oscar (2010), “Tìm kiếm sự an toàn tinh thần trong xã hội Việt Nam đương đại”, in trong *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*, Nxb ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh.
30. Smith, G.H (1943), *The Blood Hunters*, World Wide Prayer.
31. Smith, G.H (2007), *Gongs in The Night: Reaching the Tribes of French Indo-China*, Kessinger Publishing, LLC.
32. Smith, G.H (1947), *The Missionary and Anthropology*, Moody Press.
33. Snow, David A. Zurcher, Jr Louis A., and Ekland-Olson, Sheldon (1980), “Social Networks and Social Movements: A Microstructural Approach to Differential Recruitment,” *American Sociological Review* 45: 787–801
34. Stark, Rodney and Bainbridge, William. S (1980), “Networks of Faith: Interpersonal Bonds and Recruitment to Cults and Sects”, *American Journal of Sociology*, Vol. 85, No. 6: 1376- 1395.
35. Lê Văn Thái (1971), *Bốn mươi sáu năm chức vụ*, Cơ quan Tin Lành xuất bản, Sài Gòn.
36. Lê Văn Tuyên (2017), “Một số nội dung của Kinh thánh Tin Lành”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9: 99-123.
37. Mã Phúc Thanh Tươi (2013), “Đạo đức Tin Lành và lối sống đạo đức của tín đồ tại Việt Nam hiện nay”, Luận án Tiến sĩ triết học. Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
38. Vala, Carsten T. and O'Brien, Kevin (2008), “Recruitment to Protestant House Churches”, in *Popular protest in China*, O'Brien, Kevin (cb), Harvard University Press: Cambridge, Massachusetts.
39. Lê Hoàng Anh Vũ (2016), “Postcolonial context, Pentecostal response: Dimensions of political meaning in Vietnamese Evangelicalism”, Ph.D. Dissertation. Fuller Theological Seminary.
40. Wenger, Jacqueline E (2004), “Official vs. Underground Protestant Churches in China: Challenges for Reconciliation and Social Influence”. *Review of Religious Research*, Vol. 46, No. 2: 169-182.
41. Wood, Richard L (1999), “Religious Culture and Political Action”. *Sociological Theory* 17: 307-332.
42. Nguyễn Thanh Xuân (2002), *Bước đầu tìm hiểu đạo Tin Lành trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
43. Nguyễn Thanh Xuân (2020), *Tôn giáo và chính sách Tôn giáo ở Việt Nam*. Nxb Tôn giáo: Hà Nội.
44. Yang, Fenggang (2005), “Lost in the Market, Saved at McDonald's: Conversion to Christianity in Urban China.”, *Journal for the Scientific Study of Religion* 44: 423–41.
45. Lê Hùng Yên (2018), “Phương thức truyền giáo Tin Lành ở vùng Tây Nam Bộ, *Nghiên cứu Tôn giáo*”, số 11: 59-71.

**Abstract**

**EXPLAINING THE DEVELOPMENT OF THE PROTESTANT  
HOUSE CHURCHES IN VIETNAM DURING THE POST-  
DOI MOI ERA**

**Le Van Tuyen**

*Candidate PhD., Palacký University, Czech Republic*

**Filip Kraus**

*Faculty of Asian Studies, Palacký University, Czech Republic*

The rapid development of Protestantism is one of the most remarkable things in the overall religious picture during the post-Doi Moi period. The number of Protestant adherents has not been agreed upon among administrators of religious affairs and researchers. There are rare national surveys since the reasons for the explosive growth of Protestant House Churches are often overlooked. Based on analysis of previous studies and conducting in-depth interviews, this study attempts to answer the question of what led to the explosive growth of Protestant House Churches in terms of religious expressive limitations. We believe that this growth can be partly explained from its socio-historical context, as well as, organizational structure and missionary strategy.

**Keywords:** Protestant House Churches; Doi Moi; Vietnam.